

Số: /STNMT-MT

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2024

V/v hướng dẫn thực hiện một số trách nhiệm của chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

Kính gửi: Các chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 - 2030;

Căn cứ Công văn số 759/BTNMT-MT ngày 14/02/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn việc gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

Căn cứ Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định về tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Thông báo số 86/TB-BTNMT ngày 20/02/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố danh sách các đơn vị tái chế sản phẩm, bao bì.

Để các chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là chủ dự án đầu tư, cơ sở) thực hiện đúng một số quy định theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định có liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các chủ dự án đầu tư, cơ sở thực hiện một số nội dung như sau:

1. Thực hiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:

Theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối tượng phải có giấy phép môi trường:

“1. Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức.

2. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.”

Theo quy định tại khoản 2, Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định về thời điểm lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:

“a) Dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

b) Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có giấy phép môi trường trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy định tại các điểm a, b, c, d và g khoản 1 Điều 36 của Luật này. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng không thuộc đối tượng được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về xây dựng thì phải có giấy phép môi trường trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng;

*d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải có giấy phép môi trường **trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành**, trừ trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi (sau đây gọi chung là giấy phép môi trường thành phần). Giấy phép môi trường thành phần được tiếp tục sử dụng như giấy phép môi trường đến hết thời hạn của giấy phép môi trường thành phần hoặc được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành trong trường hợp giấy phép môi trường thành phần không xác định thời hạn.”*

Căn cứ vào các quy định nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị chủ dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường chủ động lập hồ sơ theo quy định tại Điều 28, 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để đảm bảo được cấp giấy phép môi trường trong thời hạn quy định nêu trên.

2. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: “*Chủ cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại Điều này sau khi được cấp giấy phép môi trường, trừ trường hợp đã có giấy phép môi trường thành phần*”.

Do đó, đề nghị chủ cơ sở đã được cấp giấy phép môi trường có nội dung yêu cầu vận hành thử nghiệm, thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Đồng thời, thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo Mẫu số 43 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định.

3. Thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: “*Đối tượng, mức lưu lượng xả nước thải và hình thức phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục, quan trắc nước thải định kỳ được quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này (trừ các trường hợp: cơ sở đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở có hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh bồn bể định kỳ tách riêng với hệ thống xử lý nước thải, cơ sở xả nước làm mát không sử dụng clo hoặc hóa chất khử trùng để diệt vi sinh vật và cơ sở xả nước tháo khô mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, đá vôi)*”.

Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: “*Thời hạn hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có mức lưu lượng xả nước thải ra môi trường quy định tại Cột 4 Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định này*”.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: “*Đối tượng, loại công trình, thiết bị xả bụi, khí thải và mức lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục được quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định này*”.

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: *“Thời hạn hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc bụi, khí thải công nghiệp tự động, liên tục (có camera theo dõi) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với dự án, cơ sở xả bụi, khí thải công nghiệp ra môi trường có mức lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải quy định tại Cột 5 Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định này”*.

Căn cứ vào các quy định nêu trên, đối với các chủ dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục nhưng chưa lắp đặt, đề nghị thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường theo thời hạn quy định nêu trên.

Đối với các cơ sở đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường, đề nghị chủ cơ sở quan tâm thực hiện các yêu cầu về quản lý, vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, trong đó lưu ý đối với các quy định về bảo đảm chất lượng của hệ thống, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và kiểm tra định kỳ đối với thiết bị quan trắc tự động, liên tục, thực hiện kiểm soát chất lượng của hệ thống định kỳ 01 lần/năm bởi một đơn vị độc lập theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Đề nghị các chủ cơ sở thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hằng năm theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 1 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể đối với cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thực hiện theo Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Chủ cơ sở gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến các cơ quan sau: Cơ quan cấp giấy phép môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh (đối với các cơ sở nằm trong khu công nghiệp An Nghiệp). Lưu ý: Đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đề nghị gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến Bộ Tài nguyên và Môi trường theo địa chỉ: số 10 Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Thời gian gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường: Chủ cơ sở gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) cho các cơ quan theo quy định nêu trên trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo. Hình thức báo cáo và phương thức gửi báo cáo được thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp; dịch vụ bưu chính; fax; hệ thống thư điện tử và các phương thức khác theo quy định của pháp luật tại khoản 3, khoản 4 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải:

Chủ cơ sở có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải cấp cơ sở phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường (theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), đồng thời, công khai và gửi Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải (theo mẫu tại Phụ lục II đính kèm Quyết định số 146/QĐ-TTg) tới Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện.

Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải.

6. Thực hiện kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp:

a) Đối với các cơ sở thuộc đối tượng nộp phí cố định, đề nghị chủ cơ sở khăn trương nộp phí theo Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của Sở Tài nguyên và Môi trường đã thông báo.

b) Đối với các cơ sở thuộc đối tượng nộp phí biến đổi, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP: “Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ 20 m³/ngày trở lên: Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí kê khai phí với tổ chức thu phí và nộp phí vào tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp” của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước”. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị chủ cơ sở thực hiện kê khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp định kỳ hàng quý theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP và nộp phí vào Tài khoản số: **3511.0.1077616.00000** (tên tài khoản: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng) được mở tại Kho bạc Nhà nước Sóc Trăng chậm nhất ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

Tờ khai nộp phí gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng thông qua một trong những hình thức sau:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sóc Trăng (số 19 đường Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

- Nộp trực tuyến qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sóc Trăng tại địa chỉ: <https://dichvucong.soctrang.gov.vn/>

Khi kê khai nộp phí, đề nghị chủ cơ sở lưu ý một số nội dung sau:

- Đối với cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định pháp luật: Căn cứ xác định hàm lượng thông số ô nhiễm trong nước thải để kê khai, tính phí là số liệu quan trắc nước thải định kỳ tại cơ sở. Căn cứ tính lượng nước thải phát sinh trong quý (đính kèm một trong các loại giấy tờ có liên quan như sau: bảng theo dõi chỉ số đồng hồ đo lưu lượng nước thải hoặc bảng theo dõi lưu lượng khai thác, sử dụng tài nguyên nước (cơ sở tự khai thác, sử dụng) hoặc hóa đơn chứng từ của đơn vị cung cấp nước sạch (sử dụng nguồn nước từ đơn vị cung cấp nước sạch)). Đối với trường hợp không có các thông tin nêu trên, lượng nước thải được xác định dựa trên thông tin có trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ.

- Đối với cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định pháp luật: Việc kê khai, tính toán, thẩm định số phí phải nộp được xác định theo từng kỳ 24 giờ, trong đó: hàm lượng các thông số ô nhiễm tính phí và tổng lượng nước thải ra của cơ sở được tính theo giá trị trung bình ngày (24 giờ) của các kết quả đo. Trường hợp thông số ô nhiễm tính phí không thuộc các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục thì hàm lượng các thông số ô nhiễm lấy theo số liệu quan trắc định kỳ.

7. Quy định về tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn tỉnh

Ngày 29/12/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND quy định về tuyến đường, thời gian, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị chủ cơ sở căn cứ các quy định tại Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND để thực hiện việc bàn giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định.

8. Công bố danh sách các đơn vị tái chế sản phẩm, bao bì

Theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: “*Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (sau đây gọi chung là nhà sản xuất, nhập khẩu) các sản phẩm, bao bì quy định cột 3 Phụ lục XXII ban hành kèm theo Nghị định này để đưa ra thị trường Việt Nam phải thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì đó theo tỷ lệ, quy cách tái chế bắt buộc quy định Điều 78 Nghị định này*”.

Nhằm mục đích cung cấp, hỗ trợ thông tin cho nhà sản xuất, nhập khẩu biết, tham khảo trong việc thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì; nhà sản xuất, nhập khẩu có thể lựa chọn, ký kết hợp đồng tái chế với các đơn vị tái chế trong hoặc ngoài danh sách được công bố theo Phụ lục kèm theo Thông báo số 86/TB-BTNMT nhưng phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 4 Điều 79 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP tại thời điểm ký kết hợp đồng tái chế.

Thực hiện quy định tại khoản 6 Điều 79 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố danh sách các đơn vị tái chế sản phẩm, bao bì nhằm mục đích cung cấp, hỗ trợ thông tin cho nhà sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì biết, tham khảo trong việc thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì. Khi lựa chọn, ký kết hợp đồng tái chế sản phẩm, bao bì, nhà sản xuất, nhập khẩu phải xem xét, đánh giá năng lực, công nghệ, công suất và việc đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường đơn vị tái chế tại thời điểm ký kết hợp đồng; không ký kết hợp đồng với các đơn vị tái chế không đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị chủ dự án đầu tư, cơ sở nghiêm túc thực hiện những nội dung nêu trên. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường (*thông qua Chi cục Bảo vệ môi trường, địa chỉ: Số 18 Hùng Vương, Phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, số điện thoại: 02993.613.638*) để được hướng dẫn.

Sở Tài nguyên và Môi trường gửi đến chủ dự án đầu tư, cơ sở để biết và thực hiện./.

(Đính kèm chi tiết các văn bản có liên quan được đăng tại mục Thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường <https://sotnmt.soctrang.gov.vn>)

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND các huyện, TX, TP (để phối hợp);
 - Ban Quản lý các KCN tỉnh (để phối hợp);
 - TT CNTT (đăng tải Cổng thông tin của Sở);
 - Lưu: VT, CCBVMT.
- D:\Tan\2024\doanhnghiep

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**